

Phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn trong phát ngôn tiếng Việt

Huỳnh Công Hiến*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh
10-12 Đinh Tiên Hoàng, Bến Nghé, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 7 năm 2009

Tóm tắt. Trong phạm vi của cấp độ *phát ngôn*, chúng tôi gọi *yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn* là cơ sở chứa đựng tiềm năng sản sinh ý nghĩa hàm ẩn, *phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn* là *con đường*, là *phạm trù nội dung* được sử dụng để tạo ý nghĩa hàm ẩn dựa trên một yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn, *thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn* là *cách thức cụ thể* được sử dụng để tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn trong phạm vi của một phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn.

Yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn có cơ sở xuất phát từ *sự chiếu vật* trong ngôn ngữ được gọi là *yếu tố chiếu vật hàm ẩn*. Từ *yếu tố chiếu vật hàm ẩn*, khai thác *hiện tượng mơ hồ về chiếu vật* trong ngôn ngữ với tư cách là *con đường* để tạo ý nghĩa hàm ẩn, chúng tôi xác lập được *phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn từ hiện tượng mơ hồ về chiếu vật*, gọi tắt là *phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn*. Phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn bao gồm *thủ pháp nói lái hàm ẩn*, *thủ pháp đồng âm hàm ẩn*, *thủ pháp nhiều nghĩa hàm ẩn*, *thủ pháp trái nghĩa hàm ẩn*.

Xét trong mối quan hệ và so với các yếu tố khác trong *hệ thống các yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn* trong tiếng Việt, *yếu tố chiếu vật hàm ẩn* nói chung và *phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn* nói riêng tỏ ra liên quan mật thiết hơn cả với *cấu trúc nội tại của tiếng Việt*. Đồng thời, các thủ pháp xác lập được từ *phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn* không hẳn đã được xem là đầy đủ, nhưng có thể nói, nó tạo được một cái khung cơ bản, định hướng cho những cố gắng về lĩnh vực này trong tương lai.

1. Đặt vấn đề

Lý thuyết về *ý nghĩa hàm ẩn* (implicit meaning) là một trong những lĩnh vực trung tâm của Ngữ dụng học, cũng như khảo sát về *cơ chế sản sinh ý nghĩa hàm ẩn* là một trong những nội dung quan trọng của lý thuyết này. Về nguyên tắc, *ý nghĩa hàm ẩn* được hiểu là *ý nghĩa hàm ẩn không tự nhiên* (non-natural

meaning) như cách nói của Grice, nằm trong ý định truyền báo của người nói và không được thể hiện rõ trên bề mặt như *ý nghĩa hiển hiện* (explicit meaning). Hoàn toàn có thể nói rằng “không hiểu nghĩa hàm ẩn của một câu nói là chưa thật sự hiểu câu nói đó” [1, tr.469]. Trong phạm vi của cấp độ *phát ngôn*, chúng tôi gọi *yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn* là cơ sở chứa đựng tiềm năng sản sinh ý nghĩa hàm ẩn, *phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn* là *con đường*, là *phạm trù nội dung* được sử dụng để tạo ý nghĩa hàm ẩn dựa trên một yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn, *thu*

*ĐT.: 84-918347998.

E-mail: huynhconghien@gmail.com

pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn là cách thức cụ thể được sử dụng để tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn trong phạm vi của một phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn.

Yếu tố chiếu vật hàm ẩn là yếu tố đầu tiên trong hệ thống các yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn trong tiếng Việt mà chúng tôi đã và đang cố gắng triển khai [2]. Tất cả các yếu tố trong hệ thống này đều liên quan mật thiết và chịu ảnh hưởng trực tiếp của các lý thuyết trong từng lĩnh vực của Ngữ dụng học, từ *lý thuyết chiếu vật*, *lý thuyết hành vi ngôn ngữ*, *lý thuyết lập luận*, *lý thuyết hội thoại*, cho đến các vấn đề thuộc *tiền giả định* và *lô-gích ngôn ngữ* [3,4].

Lý thuyết về *chiếu vật* (reference) được xem là lĩnh vực đầu tiên của *ngữ dụng học*. Các nhà lô-gích học là những người đầu tiên quan tâm đến lĩnh vực này khi khảo sát giá trị *đúng* (Đ) hay *sai* (S) của mỗi một mệnh đề lô-gích được diễn đạt bằng ngôn ngữ. Bởi lẽ họ thấy rằng, nếu ở các mệnh đề lô-gích, giá trị Đ hay S dễ dàng xác định bằng việc đối chiếu với các *hàng chân trị*, thì ở các biểu thức ngôn ngữ, các giá trị này sẽ hoàn toàn không thể xác định được nếu không biết một phát ngôn đang nói về *cái gì*, về *ai*, về *trạng thái nào*, về *quan hệ nào*, về *sự kiện nào*. Nói cách khác, nếu không hiểu một phát ngôn đang được *quy chiếu* với cái gì trong hiện thực thì không thể nào biết được phát ngôn đó là *đúng* hay *sai*.

(1) Anh ta mới đi ra ngoài mua phở cho vợ.

Phát ngôn (1) chỉ có thể biết được là *đúng* hay *sai* khi biết rõ “anh ta” được quy chiếu về *ai*, “vợ” được quy chiếu về *ai*, “phở” được quy chiếu về *cái gì*... Nếu *anh A* là người đi mua phở mà “anh ta” được quy chiếu về *anh B* nào đó thì phát ngôn này là *sai*, và ngược lại, nếu “anh ta” được quy chiếu về *anh A* là *đúng*. Nếu *anh A* đi mua phở cho *chị D* nào đó (vốn là *bạn gái*), mà “vợ” được quy chiếu về *chị C* (người thật sự là vợ) thì phát ngôn này là *sai*. Nếu anh

A đi mua *mỹ phẩm* cho vợ, mà “phở” được quy chiếu về *một món ăn* thì phát ngôn này cũng *sai*.

Cho nên, xác định cái *đúng* và *sai* về *sự chiếu vật* của các đơn vị trong phát ngôn cũng như của cả phát ngôn là tiền đề để xác định giá trị thật sự *đúng* hay *sai* của một phát ngôn trong thực tế. Một cách tổng quát, *chiếu vật* là cách mà người phát ngôn dùng một biểu thức ngôn ngữ để chỉ về *sự vật*, *hiện tượng*, về *cái mà anh ta muốn nói đến*. Hành vi sử dụng một biểu thức ngôn ngữ nào đó để chuyển các sự vật, hiện tượng đang được nói đến vào trong phát ngôn gọi là *hành vi chiếu vật*. Quan hệ về sự tương ứng giữa *biểu thức ngôn ngữ* với *sự vật*, *hiện tượng* đang được nói đến gọi là *quan hệ chiếu vật*. Cách thức mà người phát ngôn sử dụng để thực hiện hành vi chiếu vật gọi là *phương thức chiếu vật* [5]. Lý thuyết *chiếu vật* có nói đến ba *phương thức chiếu vật*: Phương thức dùng tên riêng, phương thức dùng biểu thức miêu tả và phương thức chỉ xuất [6, tr.61-86].

Cả ba *phương thức chiếu vật*, từ phương thức dùng tên riêng, phương thức dùng biểu thức miêu tả cho đến phương thức chỉ xuất, là sự tổng hợp các cách thức hay là các quy tắc dùng để chiếu vật sử dụng trong ngôn ngữ. Người phát ngôn khi thực hiện một phát ngôn chắc hẳn phải hiểu về tác động của tiền đề *đúng*, *sai* của sự chiếu vật trong phát ngôn đối với giá trị *đúng*, *sai* của cả phát ngôn, và do đó, chắc hẳn phải có ý thức đầy đủ về việc sử dụng chính xác các quy tắc chiếu vật. Mặt khác, *người thụ ngôn* (theo cách dùng của Hồ Lê, [7]) cũng căn cứ trên các quy tắc chiếu vật để kiểm tra các giá trị *đúng*, *sai* của phát ngôn, từ đó, thực hiện quá trình lĩnh hội một cách tự nhiên.

Thế nhưng, trong những trường hợp nào đó, người phát ngôn lại cố ý vi phạm các quy tắc chiếu vật và cũng hiểu rằng người thụ ngôn cũng có ý thức về sự vi phạm đó của mình, lúc đó, người phát ngôn đã tạo ra trong phát ngôn của mình một *ý nghĩa hàm ẩn*. Và mục đích của

người phát ngôn là chuyển ý nghĩa hàm ẩn này đến người thụ ngôn và tin rằng người thụ ngôn hiểu được nó. Chính sự cố ý vi phạm các quy tắc chiếu vật và chỉ xuất trong ngôn ngữ đã trở thành một cơ sở chứa đựng tiềm năng sản sinh ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn. Nói cách khác, sự chiếu vật có tư cách của một yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn, và chúng tôi gọi tắt yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn từ sự chiếu vật trong ngôn ngữ là yếu tố chiếu vật hàm ẩn.

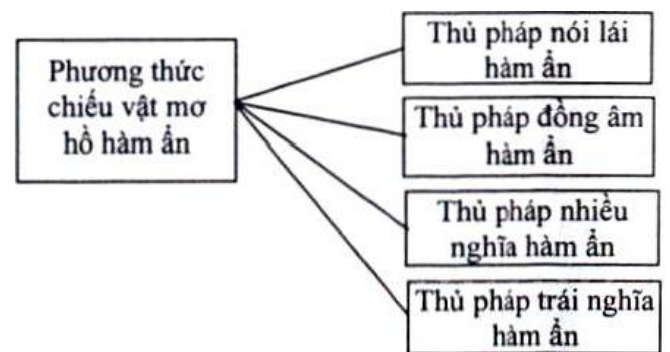
2. Phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn và các thủ pháp của nó

Như đã nói, quan hệ về sự tương ứng giữa biểu thức chiếu vật với sự vật, hiện tượng được nói đến là quan hệ chiếu vật. Những sự vật, hiện tượng được biểu thị bởi biểu thức chiếu vật chính là nghĩa chiếu vật. Nghĩa chiếu vật của các biểu thức chiếu vật bao gồm cả người, các sự vật, cho đến các hoạt động, tính chất, trạng thái...

Đứng trước một phát ngôn, để lĩnh hội được nội dung của phát ngôn, trước hết phải xác định được nghĩa chiếu vật của từng thành tố trong phát ngôn cũng như nghĩa chiếu vật của cả phát ngôn. Trong trường hợp vì một lý do nào đó, nghĩa chiếu vật này không xác định được, lúc đó, phát ngôn sẽ rơi vào tình trạng mơ hồ về chiếu vật. Tình trạng mơ hồ này có thể là vô tình, ngẫu nhiên (do đặc điểm của từng ngôn ngữ, do khả năng sử dụng ngôn ngữ...) mà cũng có thể do người phát ngôn cố ý vi phạm. Ở trường hợp sau, bằng sự vi phạm này, người phát ngôn đã tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn của mình. Kết quả là, ý nghĩa hiển chiếu vật này, nhưng ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật khác. Do vậy, sự chiếu vật mơ hồ có thể được xem là một con đường, một phương thức để tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn. Chúng tôi gọi tắt phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn từ

hiện tượng mơ hồ về chiếu vật trong ngôn ngữ là phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn.

Để có thể tạo ra sự mơ hồ về chiếu vật nhằm dẫn người nghe đến với ý nghĩa hàm ẩn mà mình định truyền báo, người nói cần phải tập trung khai thác các lý do dẫn đến sự mơ hồ về chiếu vật. Có những lý do chung cho nhiều ngôn ngữ khác nhau, và cũng có những lý do riêng của từng ngôn ngữ nhất định. Với mỗi một lý do được khai thác, chúng ta sẽ có được một thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn nằm trong phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn.



2.1. Thủ pháp nói lái hàm ẩn

Nói lái là cách tác động vào một từ có từ hai âm tiết trở lên bằng cách hoán đổi, lắp ghép các bộ phận (âm đầu, vần, thanh điệu) của các âm tiết với nhau.

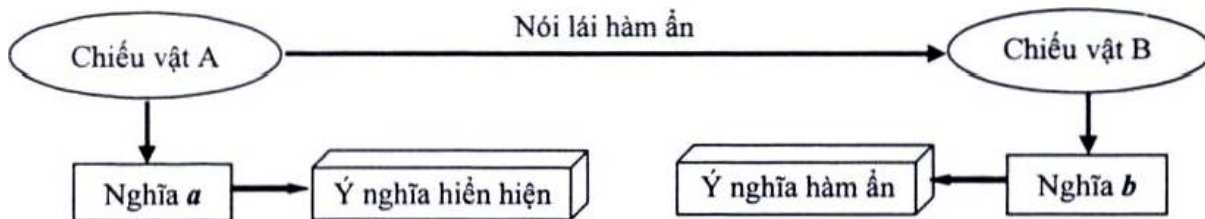
Chẳng hạn: “Buổi sáng” → Bàng suối / Bàng suối / Sáng buổi.

Chính sự hoán đổi, lắp ghép này làm tồn tại song song trong ý thức người nghe cả yếu tố gốc lẫn yếu tố kết quả sau khi nói lái. Nói cách khác có sự tồn tại song song của cả hai biểu thức chiếu vật, và vì vậy, có sự tồn tại song song của cả hai nghĩa chiếu vật khác nhau. Tình hình này làm cho sự chiếu vật trở nên mơ hồ. Do đó, hiện tượng nói lái đã được người phát ngôn khai thác với tư cách là một thủ pháp để tạo ý nghĩa hàm ẩn.

Trong trường hợp yếu tố gốc không mang nghĩa (chẳng hạn bàng suối, sáng buổi), bề mặt

của phát ngôn sẽ thể hiện một quan hệ ngữ nghĩa bất bình thường, từ đó, nó dễ tạo ra một *ẩn tượng đặc biệt*, định hướng cho người nghe lấy đó làm cơ sở suy luận. Nếu không phải là người bản ngữ (tiếng Việt), thì thật không dễ gì có được *ẩn tượng* này. Và mặc dù không mang nghĩa nhưng nhờ vào đặc điểm của cấu trúc âm tiết tiếng Việt, *yếu tố gốc* vẫn có khả năng quy về *yếu tố kết quả* mang nghĩa bằng cách nói lái.

Còn trong trường hợp *yếu tố gốc* cũng mang một nghĩa bình thường trên bề mặt, thì lúc này, chính ý nghĩa của *yếu tố gốc* sẽ đảm nhận vai trò của *ý nghĩa hiển hiện*, và ý nghĩa của *yếu tố*



(2) A nói với B (không muốn C, một người nước ngoài đang học tiếng Việt và đang ngồi cùng bàn, hiểu được ý nghĩa về *thời gian* trong câu nói của mình):

- Ngày mai, tôi sẽ đến nhà anh *hàng buổi*

Với C, một người nước ngoài, việc quy *hàng buổi* trở về với *buổi sáng* là một khả năng khó thực hiện trong thực tế. Thế nhưng, đối với người bản ngữ, sự có mặt của yếu tố bất bình thường *hàng buổi* dễ làm cho họ *chú ý* cũng như chẳng có khó khăn gì để nói lái *hàng buổi* thành *buổi sáng*.

Trong trường hợp *yếu tố gốc* cũng có nghĩa và có một mối quan hệ ngữ nghĩa bình thường trên bề mặt phát ngôn, thì sẽ tồn tại cả ý nghĩa hiển hiện (ở yếu tố gốc) lẫn ý nghĩa hàm ẩn (ở kết quả nói lái).

(3) - Nam: Dạo này, mày có thường gặp thằng Đông không?

- Bắc: Thường! Gần như hàng ngày.

- Nam: Dạo này, nó sống thế nào rồi?

kết quả sau khi nói lái sẽ đảm nhận vai trò của *ý nghĩa hàm ẩn*. Do vậy, việc sử dụng một cách *ngắm ẩn hình thức nói lái* có thể được xem là một cách thức, một thủ pháp để tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn, và chúng tôi gọi tắt *thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn từ việc sử dụng một cách ngắm ẩn hiện tượng nói lái* là *thủ pháp nói lái hàm ẩn*.

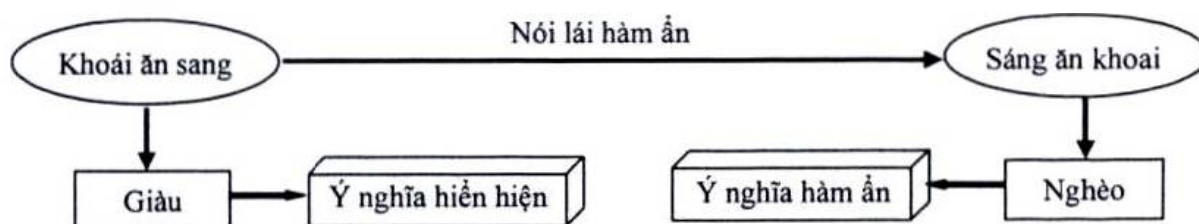
Như vậy, với thủ pháp này, một biểu thức chiếu vật A có nghĩa chiếu vật là *a* (ý nghĩa hiển hiện), sau khi thực hiện nói lái, sẽ cho chúng ta kết quả là một biểu thức chiếu vật B có nghĩa chiếu vật là *b* (ý nghĩa hàm ẩn).

- Bắc: Tao thấy nó cứ suốt đời khoai ăn sang!

(4) Câu chuyện vui về “con cò” trong sinh hoạt trại hè của thiếu nhi:

“Một cậu học trò, hôm nay, như thường lệ, đến nhà thầy để học. Nhưng khi vừa đến trước cửa, thấy ở đó có một con cò bị hu cả 2 mắt, cậu ta bèn quay trở về. Bạn bè ngạc nhiên hỏi, cậu giải thích: *Cò bị hu cả 2 mắt là cò mù, cò mù là cò không thấy, cò không thấy là thầy không có, nếu thầy không có thì phải về*”.

Trong (3), cuộc sống của thằng Đông được cụ thể hóa bằng chi tiết *khoái ăn sang*. Muốn ăn sang phải có tiền, đã *khoái ăn sang* thì phải có điều kiện để thực hiện việc đó, nghĩa là phải có tiền, phải giàu. Thế nhưng, khi thực hiện nói lái *khoái ăn sang* thành *sáng ăn khoai* thì ý nghĩa hoàn toàn thay đổi. “Khoai” được xem như một món ăn dành cho những người nghèo. Một người mà cứ luôn luôn *sáng ăn khoai* thì chắc hẳn phải nghèo. Ý nghĩa này chính là ý nghĩa hàm ẩn.



Ở (4), quyết định *đi về* của câu học trò là kết quả của cả một *chuỗi suy luận*, trong đó, nút cuối cùng vẫn là *nói lái*. Nếu gọi *cò không thấy* là *yếu tố gốc* và *thầy không có* là *yếu tố nói lái* thì cả hai yếu tố này, tùy theo từng trường hợp cụ thể, sẽ hoán đổi cho nhau vị trí là ý nghĩa hiển hiện hay ý nghĩa hàm ẩn.

2.2. Thủ pháp đồng âm hàm ẩn

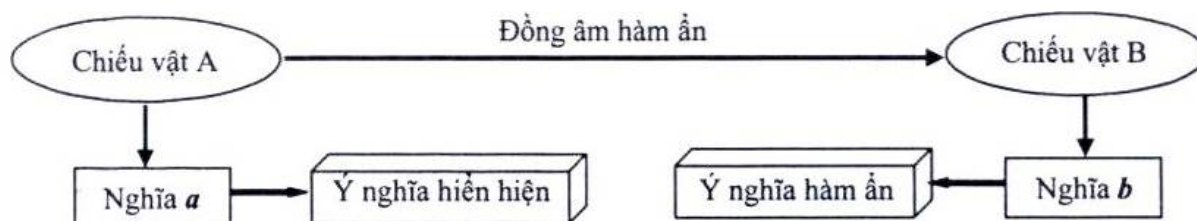
Hiện tượng đồng âm của từ là một hiện tượng phổ biến có mặt trong hầu hết các ngôn ngữ. Đó, thực chất là những từ khác nhau nhưng lại được thể hiện bằng những *hình thức ngữ âm giống nhau*, và vì vậy, dễ nhầm lẫn với hiện tượng từ nhiều nghĩa. Một cách tổng quát, chúng ta xem từ nhiều nghĩa là những trường hợp mà cơ chế chuyển nghĩa của chúng có thể dễ dàng lý giải được, và ngược lại, những trường hợp không thể lý giải được hoặc sự lý giải chưa đạt đủ sự rõ ràng và sức thuyết phục thì được xem là những *đồng âm* của các từ khác nhau, hay gọi là từ đồng âm [8, tr.194-199]. Ví dụ: La (*la hét*)/La (*con la*)/La (*nốt nhạc La*).

Hiện tượng cùng một hình thức ngữ âm nhưng lại biểu thị các từ khác nhau được thể hiện trên hai phương diện: Phương diện chữ viết (chữ viết ghi âm dưới hình thức viết) và phương diện phát âm (dưới hình thức nói). Chiếm đại đa số trong các trường hợp là sự thống nhất tuyệt đối giữa hai phương diện này, nghĩa là cứ ứng với một hình thức chữ viết nhất định sẽ có một hình thức phát âm tương ứng. Nhưng cũng đôi khi hai phương diện này lại không đạt được sự thống nhất đó, chẳng hạn, chỉ có một hình thức chữ viết nhưng lại tồn tại

nhiều hình thức phát âm khác nhau. Chúng ta dễ dàng nhận ra các trường hợp này khi so sánh hình thức phát âm giữa các vùng phương ngữ (chẳng hạn phương ngữ Bắc bộ/phương ngữ Nam bộ...).

Đối với hiện tượng đồng âm của từ, trên cơ sở của một hình thức ngữ âm duy nhất, người ta có thể quy nó về nhiều từ khác nhau, mang những ý nghĩa khác nhau, vượt ra ngoài khuôn khổ của cơ chế chuyển nghĩa. Điều này có nghĩa là, cùng một biểu thức chiếu vật nhưng lại có nhiều nghĩa chiếu vật khác nhau, gây ra hiện tượng chiếu vật mơ hồ. Trong một phát ngôn, ứng với một ngữ huống cụ thể, mỗi từ trong đó sẽ mang một ý nghĩa nhất định theo mối quan hệ ngữ nghĩa bình thường trên bề mặt của phát ngôn. Ý nghĩa này chính thức tham gia vào việc tạo nên ý nghĩa hiển hiện của toàn bộ phát ngôn. Thế nhưng, cũng trong phát ngôn đó, nếu người ta quy hình thức ngữ âm của một từ nào đó về cho một từ khác (từ đồng âm), thì một ý nghĩa mới sẽ xuất hiện và có tư cách của một ý nghĩa hàm ẩn. Cơ chế này đã từng là nguồn gốc của biết bao nhiêu hiện tượng chơi chữ thú vị trong tiếng Việt. Do vậy, việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ đồng âm có thể được xem là một cách thức, một thủ pháp để tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn, và chúng tôi gọi tắt *thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn từ việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ đồng âm* là *thủ pháp đồng âm hàm ẩn*.

Với thủ pháp này, việc sử dụng trên bề mặt một biểu thức chiếu vật *A* với nghĩa chiếu vật là *a* (ý nghĩa hiển hiện), đồng âm với một biểu thức chiếu vật *B* có nghĩa chiếu vật là *b*, có khả năng tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn về *B* với nghĩa *b*.



(5) Đó là con gì?

Trùng trục như con bò thui

Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín đầu.

(Câu đố dân gian)

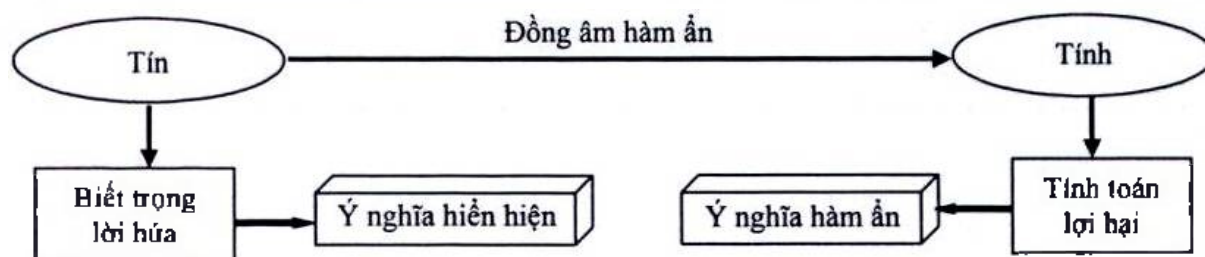
(6) - Nam: Tôi không hề nghi ngờ gì về anh ấy cả. Anh ấy là một người luôn đặt chữ tín lên hàng đầu.

- Bắc: Thế à? Thảo nào tôi chưa bao giờ thấy anh ta để cho quyền lợi cá nhân của mình bị thiệt thòi.

Ở (5), vì đã là câu đố, nên tính chất phức tạp, hóc húa gần như đã được dự đoán sẵn, và do đó, cái dị thường của *chín* (với nghĩa là số 9) là một điều dễ dàng được chấp nhận trên cấu trúc hệ mặt. Chỉ đến khi, trên cơ sở của sự linh hội *chín* là số 9 nhưng vẫn không tài nào tìm ra được một con vật dị thường đến thế, người ta mới đưa ra một đáp án đơn giản. Đó là *con bò*. Bởi vì, khi một *con bò trùng trục* được đem đi thui thì tất cả các bộ phận trên cơ thể của nó (mắt, mũi, đuôi, đầu) cũng sẽ *chín* (với nghĩa là được nấu nướng đến mức có thể ăn được, trái

nghĩa với *sống*). Và khi đã được *thui chín* rồi thì *con bò* cũng vẫn là *con bò* chứ không phải là một con gì khác.

Ở (6), trong câu của Nam, chữ *tín* rõ ràng được hiểu với nghĩa là *hiết trọng lời hứa*, và do đó, nó giải thích vì sao tôi *không hề nghi ngờ gì về anh ấy cả*. Thế nhưng, Bắc, bằng cách sử dụng từ *thảo nào*, đã gắn kết một mối quan hệ nhân quả giữa *chữ tín* với *chưa bao giờ anh ta để cho quyền lợi cá nhân của mình bị thiệt thòi*. Nếu hiểu *tín* với ý nghĩa hiển hiện là *biết trọng lời hứa* thì mối quan hệ nhân quả trên đã tỏ ra *không bình thường*. Sự *không bình thường* này, đến lượt nó, đánh dấu cho một ý nghĩa hàm ẩn nằm ở bên dưới với nghĩa là *tính toán, cân nhắc lợi hại*. Ý nghĩa này được thể hiện trên hình thức chữ viết phải là chữ *tính* (chứ không phải là *tín*) và nó hoàn toàn tương hợp trong mối quan hệ nhân quả trên. Toàn bộ nguyên nhân của vấn đề nằm ở chỗ, trong cách phát âm của phương ngữ Nam bộ, *tín* và *tính* là hai từ đồng âm mặc dù có hình thức chữ viết khác nhau.



Như vậy, hiện tượng đồng âm của từ trong thực tế giao tiếp bằng ngôn ngữ, đặc biệt dưới hình thức lời nói miệng, hoàn toàn có khả năng sử dụng một từ làm ý nghĩa hiển hiện trên bề

mặt và một từ khác làm ý nghĩa hàm ẩn nằm ở bên dưới. Đa phần, sự phát hiện ý nghĩa hàm ẩn này đều xuất phát từ sự nảy sinh đột xuất của một mối quan hệ ngữ nghĩa bất bình thường

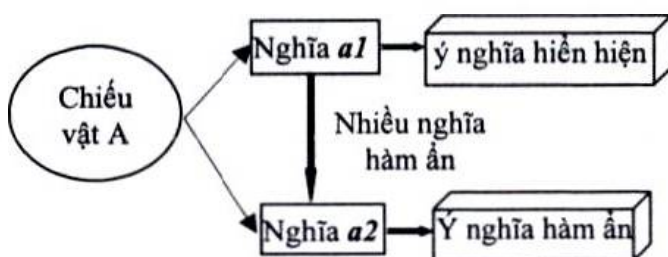
trên cái nền của ý nghĩa hiển hiện. Và con đường nối liền cái nền đó với ý nghĩa hàm ẩn còn lại chính là sự tương đồng của hình thức phát âm.

2.3. Thủ pháp nhiều nghĩa hàm ẩn

Hiện tượng nhiều nghĩa là hiện tượng phổ biến trong mọi ngôn ngữ. Mỗi từ xét về mặt cấu trúc ngữ nghĩa thường là sự hợp thành của một số các nét nghĩa. Tất cả các nét nghĩa đều cùng hiện diện trong một từ và đều được chứa đựng trong một hình thức duy nhất. Như vậy, cũng là cùng một biểu thức chiếu vật nhưng lại có nhiều nghĩa chiếu vật khác nhau, do đó, gây ra sự chiếu vật mơ hồ.

Hoàn toàn có khả năng xảy ra trường hợp, trong một ngữ huống cụ thể, một nét nghĩa nào đó của một từ được sử dụng trên cấu trúc bề mặt, nhưng những nét nghĩa khác lại được hiểu ở tầng bên dưới. Do vậy, việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ nhiều nghĩa có thể được xem là một cách thức, một thủ pháp để tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn, và chúng tôi gọi tắt thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn từ việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ nhiều nghĩa là **thủ pháp nhiều nghĩa hàm ẩn**.

Với thủ pháp này, một biểu thức chiếu vật A có các nét nghĩa chiếu vật là a_1 và a_2 , được sử dụng trên bề mặt với ý nghĩa hiển hiện là a_1 , có khả năng tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn về nét nghĩa a_2 .



(7) - Nam: Máy hôm trước, do thói quen ăn nói đanh đá, độc địa và tục tĩu, thằng Bày bị thằng Tám đánh tét miệng, máu me tùm lum.

- Bắc: Vậy à? Thế, bữa nay, miệng nó sao rồi? Đã lành chưa?

- Nam: Vẫn chưa lành! Mười năm nữa cũng chưa lành!

(8) (Câu chuyện giữa những người bạn đồng nghiệp)

Nam đứng ở phía trước cửa ra vào trong văn phòng. Lan cần đi ra ngoài, nói với Nam:

- Anh cho em ra một chút đi!

Nam cười:

- An tâm đi em, anh sẽ cho em ra mà! Không chỉ một chút đâu, bao nhiêu cũng được mà!

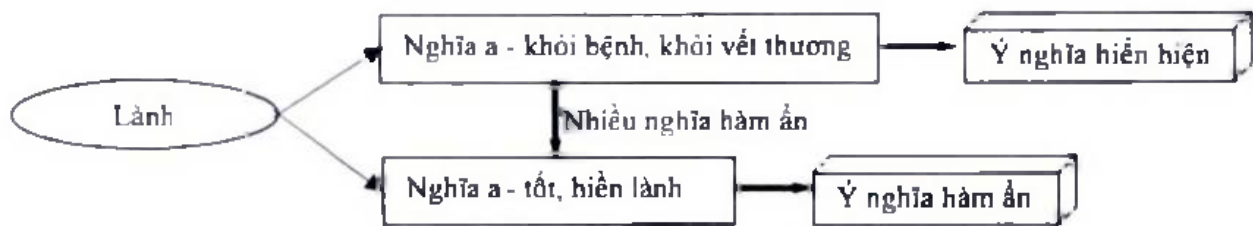
Lan đỏ mặt, nhưng vẫn vui vẻ đáp lại:

- Anh tưởng chỉ có anh mới làm được như vậy à?

Ở (7), trong câu của Bắc, *lành* được hiểu trong mối quan hệ với *đánh tét miệng, máu me tùm lum* nên có nét nghĩa là *khỏi bệnh, khỏi vết thương*. Mặt khác, sự *khỏi bệnh, khỏi vết thương* nhất thiết phải cần đến một khoảng thời gian nhất định nên câu hỏi *đã lành chưa* tỏ ra hoàn toàn tương thích với nét nghĩa này.

Trong câu cuối của Nam, sự kiện *mười năm nữa cũng chưa lành* lại làm xuất hiện trên cấu trúc bề mặt một mối quan hệ không bình thường nếu hiểu *lành* theo nét nghĩa trên. Một vết thương ngoài da ở miệng do đánh nhau không thể xảy ra trường hợp *mười năm cũng chưa lành*. Chính mối quan hệ không bình thường này đã đưa người nghe đến với một nét nghĩa khác của *lành* là *tốt và hiền lành*. Điều này làm cho người ta hiểu rằng *thằng Bày sẽ vẫn chừng nào tật nấy*.

Nét nghĩa thứ nhất của *lành* làm nên ý nghĩa hiển hiện và nét nghĩa thứ hai của nó làm thành ý nghĩa hàm ẩn.



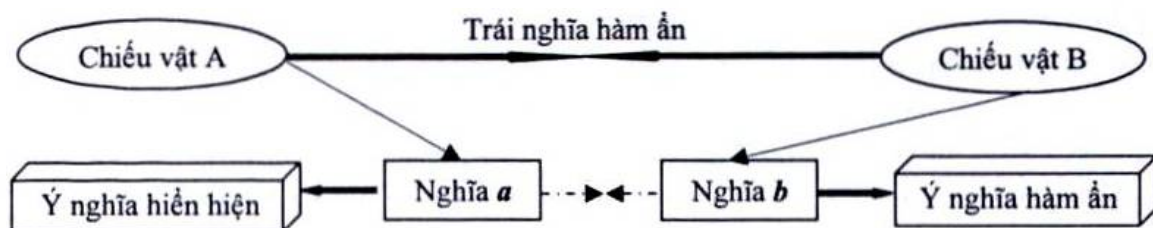
Trong (8), với không khí nói chơi vui vẻ pha thêm một chút *tục*, hai người bạn cùng làm việc trong văn phòng nói chơi với nhau bằng ý nghĩa hàm ẩn. Hai nét nghĩa của *ra* đã mang hai nghĩa chiếu vật khác nhau trong hai lời thoại của Lan và Nam. Trên nền của ý nghĩa hiển hiện, lời thoại của Nam đáp lại yêu cầu *ra* của Lan với cùng nghĩa chiếu vật, nhưng khi thêm vào phần sau *không chỉ một chút đâu, bao nhiêu cũng được mà*, yếu tố *ra* đã mang một nghĩa chiếu vật khác. Đây chính là ý nghĩa hàm ẩn. Và Lan đã tiếp nhận ý nghĩa này một cách tự nhiên khi đáp lại *anh tưởng chỉ có anh mới làm được như vậy à*.

2.4. Thủ pháp trái nghĩa hàm ẩn

Hiện tượng trái nghĩa là cũng là hiện tượng phổ biến trong mọi ngôn ngữ. Sự so sánh các nét nghĩa giữa các từ khác nhau trên cơ sở của cùng một trường nghĩa cho phép nói đến hiện tượng trái nghĩa giữa các từ.

Trong một ngữ huống cụ thể, với các điều kiện cho phép, người ta thực hiện một hành vi chiếu vật hướng đến một nghĩa chiếu vật rõ ràng trên bề mặt nhưng lại nhằm truyền báo một nghĩa chiếu vật ngược lại. Do vậy, việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ trái nghĩa có thể được xem là một cách thức, một thủ pháp để tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn, và chúng tôi gọi tắt *thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn từ việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng từ trái nghĩa* là *thủ pháp trái nghĩa hàm ẩn*. Điều đáng chú ý là trong thực tế giao tiếp ngôn ngữ, thủ pháp này thường được dùng với mục đích mỉa mai, châm chọc.

Với thủ pháp này, một biểu thức chiếu vật *A* được sử dụng trên bề mặt với ý nghĩa hiển hiện là nghĩa chiếu vật *a*, vốn trái nghĩa với một biểu thức chiếu vật *B* có nghĩa chiếu vật là *b*, trong một ngữ huống xác định cụ thể, có khả năng tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn về *B* với nghĩa *b*.



(9) - Nam: Máy hôm nay, nó nằm lì suốt ngày ở nhà, không dám chường mặt ra ngoài đường.

- Bắc: Sao vậy?

- Nam: Vừa rồi, vợ nó bắt tại trận nó đang tàng tịu với con nhỏ hàng xóm, rồi sau đó chuyện ầm ĩ cả làng.

- Bắc: Trời ơi, thật là đẹp mặt!

(10) - Lan: Sao dạo này, lúc nào anh cũng nghi ngờ em vậy?

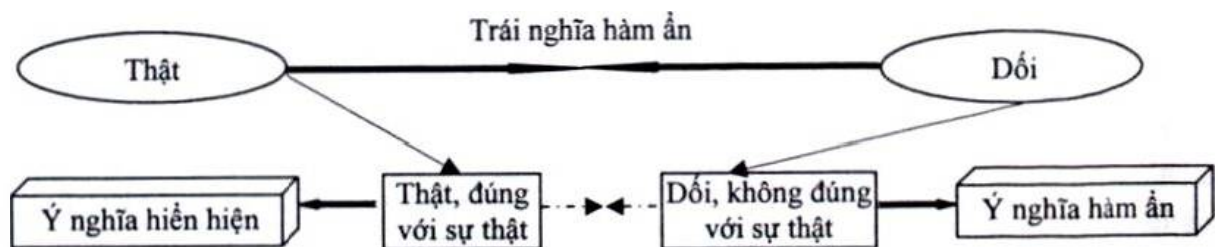
- Nam: Vì em lúc nào cũng nói thật cả

Ở (9), không ai không hiểu *đẹp* là *xấu*. Nằm trong bối cảnh của một câu chuyện *bê bối* như

vậy, *nạn nhân* của nó thật sự không thể *nở mặt* *nở mày*. Kết luận cuối cùng *đẹp mặt*, vì vậy, tạo ra một sự mâu thuẫn khó lòng chấp nhận đối với các luận cứ ở trên, tạo ra một mối quan hệ không bình thường trên cấu trúc bề mặt, hay nói chính xác hơn, một mối quan hệ đối lập tuyệt đối. Một cách tự nhiên, trong hoàn cảnh như vậy và trên cơ sở của một khả năng tối thiểu về ngôn ngữ, sự đối lập tuyệt đối đó dẫn người ta đến với từ trái nghĩa của *đẹp* là *xấu*. Nếu như *đẹp* biểu thị ý nghĩa hiển hiện trong phát ngôn, thì *xấu* lại biểu thị ý nghĩa hàm ẩn của chính

phát ngôn đó. Con đường dẫn từ ý nghĩa hiển hiện đến ý nghĩa hàm ẩn trong trường hợp này chính là con đường *trái nghĩa* của từ.

Trong (10), *thật* được dùng với mục đích mỉa mai, chứa đựng một ý nghĩa hàm ẩn đối lập với chính nó. Trong quan hệ với câu hỏi về *sự nghi ngờ*, cái *thật* đã thể hiện một quan hệ không bình thường, *định hướng* cho một ý nghĩa hàm ẩn đối lập. Như vậy, *lúc nào cũng nói thật* là ý nghĩa hiển hiện, và ai cũng hiểu ý nghĩa hàm ẩn bên trong là *lúc nào cũng nói dối*.



3. Kết luận

Phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn là một phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn đầu tiên được xác lập từ *yếu tố chiếu vật hàm ẩn*. Và cũng từ phương thức này, chúng ta đã xác lập được 4 thủ pháp tạo ý nghĩa hàm ẩn dựa trên hiện tượng mơ hồ về chiếu vật.

Xét trong mối quan hệ và so với các yếu tố khác trong *hệ thống các yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn trong tiếng Việt* mà chúng tôi đang xây dựng, *yếu tố chiếu vật hàm ẩn* tỏ ra liên quan mật thiết hơn cả với *cấu trúc nội tại của tiếng Việt*. Và chính *phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn* là một minh chứng cụ thể cho điều này.

Chúng tôi cảm thấy rằng, chính ở lý thuyết chiếu vật cũng như việc lấy sự chiếu vật làm cơ sở để xây dựng các phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn nằm trong lý thuyết về ý nghĩa hàm ẩn, đã chứng tỏ rằng, chính bản thân Ngữ dụng học cũng không thể không quan tâm đến cấu trúc nội tại của ngôn ngữ mặc dù *thực tế của ngôn ngữ đang hoạt động* là đối tượng chính của Ngữ dụng học.

Chúng tôi cũng không xem các thủ pháp mà chúng tôi đã xác lập được từ *phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn* là đã đầy đủ, thưng có thể nói, nó tạo được một cái khung cơ bản, định hướng cho những cố gắng của chúng tôi trong tương lai.

Bảng tổng kết phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn
(Phương thức tạo ý nghĩa hàm ẩn từ việc sử dụng một cách ngầm ẩn hiện tượng mơ hồ về chiếu vật)

Phương thức chiếu vật mơ hồ hàm ẩn	
Cơ sở xuất phát	- Sự chiếu vật trong ngôn ngữ. - Yếu tố chiếu vật hàm ẩn.
Cơ sở vận dụng	- Không xác định được nghĩa chiếu vật. - Tình trạng mơ hồ chiếu vật.
Cách thức thực hiện	- Khai thác các lý do dẫn đến tình trạng mơ hồ chiếu vật. - Thực hiện 4 thủ pháp.
Hệ quả	- Tạo ra một ý nghĩa hàm ẩn có giá trị chiếu vật. - Ý nghĩa hiển hiện chiếu vật này, ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật khác.

Các thủ pháp

Tên thủ pháp	Cơ sở vận dụng	Cách thức thực hiện	Hệ quả
Thủ pháp nói lái hàm ẩn	Hiện tượng <i>nói lái</i> , hoán đổi, lắp ghép các bộ phận của âm tiết	Thực hiện nói lái một yếu tố nào đó trong phát ngôn	Tạo ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật mới do kết quả nói lái tạo ra
Thủ pháp đồng âm hàm ẩn	Hiện tượng <i>từ đồng âm</i>	Sử dụng từ đồng âm trong phát ngôn	Tạo ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật khác của một từ đồng âm khác
Thủ pháp nhiều nghĩa hàm ẩn	Hiện tượng <i>từ nhiều nghĩa</i>	Sử dụng từ nhiều nghĩa trong phát ngôn	Tạo ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật khác của một nét nghĩa khác
Thủ pháp trái nghĩa hàm ẩn	Hiện tượng <i>từ trái nghĩa</i>	Sử dụng từ trái nghĩa trong phát ngôn	Tạo ý nghĩa hàm ẩn chiếu vật khác của từ trái nghĩa với từ có mặt trong ý nghĩa hiển hiện

Tài liệu tham khảo

- [1] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo Dục, TP HCM, 1998.
- [2] Huỳnh Công Hiền, *Các yếu tố tạo ý nghĩa hàm ẩn trong phát ngôn*, Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ học, TP HCM, 2000.
- [3] Hoàng Phê, *Phân tích ngữ nghĩa*, *Tạp chí Ngôn Ngữ* số 2/1975.
- [4] Nguyễn Đức Dân, *Lịch và tiếng Việt*, NXB Giáo Dục, TP HCM, 1996.
- [5] Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Tái bản lần thứ hai, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 1998.
- [6] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, tập hai, Ngữ dụng học*, Tái bản lần thứ nhất, NXB Giáo Dục, TP HCM, 2003.
- [7] Hồ Lê, *Quy luật ngôn ngữ, quyển 2*, NXB Khoa học Xã hội, TP HCM, 1996.
- [8] Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, 2008.

Implicit-ambiguity reference manner in Vietnamese utterances

Huynh Cong Hien

*University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh city,
10-12 Đinh Tiên Hoàng, Ben Nghe, Ho Chi Minh city, Vietnam*

In light of gradable utterances, we call the *implicit-meaning-forming element* the baseline from which implicit meanings appear. The *implicit-meaning-forming manner* is the way, the *content field* used to create implicit meanings based on an *implicit-meaning-forming element*. The *implicit-meaning-forming task* is the specific method used to create an implicit meaning in the constraint of an *implicit-meaning-forming manner*.

Implicit-meaning-forming elements have the start line from the reference in languages which is referred to as implicit-reference element. In the implicit-reference element, we have implicit-ambiguity reference manner.

In view of the relationship and the comparison with other elements in the system of implicit-meaning-forming elements in Vietnamese, *implicit-reference element* and *implicit-ambiguity reference manner* appear to have the closest relation to the structure of Vietnamese. At the same time, while the tasks created from implicit-ambiguity reference manner do not seem to cover the entire area, they do form a framework for future research.